

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2025/HS-ST
Ngày 24 - 06 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bảy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa.

Ông Nguyễn Hoàng Anh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Quỳnh Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Vy Tiến Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2025; các Quyết định hoãn phiên toà số 27/2025/HSST-QĐ ngày 02/6/2025, số 29/2025/HSST-QĐ ngày 11/6/2025 và số 32/2025/HSST-QĐ ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo:

Ngô Duy H, sinh ngày 07 tháng 5 năm 1992 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc Kinh, giới tính Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Duy H1 và con bà Nguyễn Thị U; có vợ là Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1991 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 12/2016/HS-PT ngày 15/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử Ngô Duy H về tội Đánh bạc, phạt Ngô Duy H 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Ngô Duy H đã chấp hành xong và được xóa án tích; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/12/2024 đến nay, có mặt.

- Bị hại: Chị Lê Thị H2, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ A, khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 38 phút, ngày 21/11/2024, Ngô Duy H, nhận được thông báo của Ngân hàng V về việc tài khoản ngân hàng số 100006830718 của H nhận được số tiền là 10.440.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng T1 số 19034514891011 mang tên LE THI HOA. Lúc này trong tài khoản của H còn có 5.209.699 đồng, cộng thêm số tiền 10.440.000 đồng thì tài khoản của H có tổng số tiền là 15.649.669 đồng. Sau khi phát hiện đã chuyển nhầm tiền thì chị Lê Thị H2 đã liên tục thực hiện 05 giao dịch, mỗi giao dịch kèm số tiền từ 2.000 đồng đến 10.000 đồng, với tổng số tiền 21.000 đồng đến tài khoản 100006830718, ngân hàng V, mang tên NGO DUY HOAN với nội dung chuyển khoản nhằm mục đích xin lại số tiền đã chuyển nhầm nhưng Ngô Duy H không trả lại tiền cho chị H2. Sau đó đến ngày 22/11/2024, chị H2 đến ngân hàng T1 - chi nhánh Đ, Lạng Sơn đề yêu cầu ngân hàng liên hệ hỗ trợ thu hồi số tiền trên và đề nghị ngân hàng hỗ trợ thông báo cho H. Sau đó, chị H2 được ngân hàng cung cấp số thuê bao 0963.033.666 của H nên chị H2 đã sử dụng số thuê bao di động 0987.570.930 để gọi đến số thuê bao di động 963.033.666 của Ngô Duy H xin lại số tiền đã chuyển nhầm nhưng H không trả lại số tiền trên cho chị Lê Thị H2 mà thực hiện các giao dịch chuyển khoản và rút tiền mặt tại cây ATM hết, cụ thể như sau:

H đã thực hiện giao dịch chuyển số tiền 2.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng của H đến số tài khoản ngân hàng A 2501205200618 mang tên Tran Van T. Sau khi chuyển tiền xong, tài khoản của H còn 13.649.669 đồng. Đến 20 giờ 55 phút ngày 21/11/2024 thì H nhận được thông báo của Ngân hàng với nội dung "*E gửi nhầm tiền cho e xin lại tiền voi a*" kèm số tiền 10.000 đồng. Đến 21 giờ 05 phút ngày 21/11/2024 Ngô Duy H đến cây ATM ở phường X, thành phố B rút 1.000.000 đồng. Đến 21 giờ 18 phút H lại tiếp tục nhận được thông báo của Ngân hàng với nội dung "*B ơi mk k may chuyen nhầm cho b b cho mk xin lai tien voi, mk tra tien hang a xin cam on ban rat nhiều a*" kèm số tiền 5.000 đồng.

Hồi 21 giờ 32 phút khi H đang ở nhà thuộc thôn D, xã T, huyện L thì H thực hiện giao dịch chuyển số tiền 1.200.000 đồng đến số tài khoản ngân hàng TMCP N 9968708830 mang tên NGUYEN VAN THU. Hồi 21 giờ 45 phút ngày 21/11/2025, H tiếp tục chuyển 1.000.000 đồng đến số tài khoản 111000056375 mang tên CT CP DỊCH VỤ DI ĐỘNG TRÚC TUYẾN. Đến 22 giờ 33 phút, ngày 21/11/2025 H lại tiếp tục nhận được thông báo của Ngân hàng với nội dung "*A ơi cho e xin lại tiền a, e có dung tung dáy dè lam an voi nuôi con, a thương e a cho e xin lại, e ơn a ca doi*" kèm số tiền 2.000 đồng.

Hồi 23 giờ 00 phút ngày 21/11/2024, H thực hiện chuyển 5.000.000 đồng đến số tài khoản 111000056375 mang tên CT CP DỊCH VỤ DI ĐỘNG TRÚC TUYẾN. Hồi 01 giờ 44 phút và 01 giờ 52 phút ngày 22/11/2024, H nhận được

số tiền lần lượt là 3.200.000 đồng và 3.200.000 đồng từ số tài khoản ngân hàng TMCP K 19035862215019, mang tên DAY THUY HONG. Hồi 01 giờ 52 phút ngày 22/11/2024 tại bãi đỗ xe ở cạnh nhà H thuộc khu vực thôn D, xã T, huyện L, H chuyển số tiền 5.000.000 đồng đến số tài khoản 111000056375 mang tên CT CP DỊCH VỤ DI ĐỘNG TRÚC TUYẾN. H tiếp tục thực hiện 06 giao dịch chuyển số tiền 1.000.000 đồng và 01 giao dịch chuyển tiền 800.000 đồng đến số tài khoản 111000056375 mang tên CT CP DỊCH VỤ DI ĐỘNG TRÚC TUYẾN, sau khi chuyển xong số tiền trên đến 04 giờ 31 phút ngày 22/11/2024 thì tài khoản của H còn lại số tiền 56.569 đồng. Sau đó đến 06 giờ 59 phút và 17 giờ 17 phút ngày 22/11/2024 H lại tiếp tục nhận được thông báo của Ngân hàng với nội dung "A ơi cho e xin lại tiền nhé, e se hau ta a" và "A ơi thay được lời nhắn lại cho e xin lại tiền a nhé 0987570903 e cảm ơn a" với mỗi thông báo kèm theo số tiền 2.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 38/CT-VKSCL ngày 16/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Ngô Duy H về Tội Chiếm giữ trái phép tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 176 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố.

Công bố lời khai của bị hại vắng mặt tại phiên tòa, bị hại thừa nhận đã chuyển nhầm tiền và có gọi điện yêu cầu bị cáo hoàn trả. Hiện bị hại đã nhận đủ số tiền chuyển nhầm, không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền nhỏ mà bị hại chuyển về sau và không đề nghị xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ngô Duy H phạm tội "Chiếm giữ trái phép tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 176, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Duy H từ 3 đến 6 tháng tù giam và không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự. Bị cáo phải chịu án phí hình sự và có quyền kháng cáo theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thấy sai của bản thân, bị cáo thấy mức án phù hợp nên không có ý kiến thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên huyện C trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thì bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị hại. Xét đơn xin xét xử vắng mặt, thấy bị hại đã có lời khai tại cơ quan điều tra, đã nhận đủ số tiền bị thiệt hại và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Mặt khác, đây là phiên tòa mở lại lần thứ 3 do bị cáo vắng mặt tại phiên tòa không có lý do 02 lần. Xét thấy việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử.

[3] Về lời khai thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định: Bị cáo Ngô Duy H đã chiếm giữ và sử dụng trái phép số tiền 10.440.000 đồng của chị Lê Thị H2. Hành vi của bị cáo Ngô Duy H phạm vào tội Chiếm giữ trái phép tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự năm 2015, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có chứng cứ ngoại phạm đối với bị cáo.

[4] Xét tính chất hành vi của bị cáo, thấy rằng: Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ việc người khác chuyển nhầm tài sản vào tài khoản của mình quản lý, lẽ ra bị cáo phải liên hệ để hoàn trả cho bị hại hoặc báo cơ quan chức năng, và hành vi trả lại tài sản không phải của mình cho chủ sở hữu là nghĩa cử cao đẹp và là hành vi thường thấy trong các tình huống thực tế được khuyến khích và công bố trên các phương tiện xã hội. Nhưng thay vì trả lại, bị cáo lại lựa chọn cách ứng xử trái pháp luật và chỉ tiêu cho mục đích cá nhân, mặc cho bị hại nhiều lần thông tin mong bị cáo hoàn lại, kể cả khi có điện thoại bị cáo cũng không liên lạc để khắc phục cho bị hại, mà tiếp tục sử dụng cho đến khi hết số tiền chiếm giữ. Điều này thể hiện ý thức chiếm giữ, chiếm đoạt đến cùng của bị cáo. Không những vậy, sau khi khởi tố một thời gian, bị cáo mới được bố mẹ khắc phục hậu quả cho bị hại. Hành vi này, đã thể hiện sự coi thường pháp luật, thiếu tôn trọng các quan hệ được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, bị cáo đã từng vi phạm pháp luật, từng bị xét xử, biết rõ hậu quả của hành vi trái pháp luật sẽ bị xử lý theo quy định nhưng bị cáo vẫn chấp nhận lựa chọn cách xử sự không đúng, do đó hành vi này của bị cáo cần phải được tuyên là có tội và chịu hình phạt với mức hình phạt tương xứng. Để có mức hình phạt phù hợp với nhận định đó, Hội đồng đánh giá các tình tiết về nhân thân, tăng nặng, giảm nhẹ, thấy rằng:

[5] Về nhân thân, bản án số 12/2016/HS-PT ngày 15/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo,

thời gian thử thách là 16 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, đã được xoá án tích. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự: Ngoài tình tiết tăng nặng định khung, bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào khác. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã trả lại tài sản cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Trên cơ sở đánh giá nêu trên, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mới đủ tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Do phiên toà hoãn 3 lần, trong đó có 2 lần vắng mặt bị cáo mặc dù đã nhận được văn bản thể hiện ngày xét xử. Do đó, cần thiết bắt bị cáo để tạm giam tại phiên toà để bảo đảm thi hành án.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, đến ngày 14/4/2025 Ngô Duy H đã trả cho chị Lê Thị H2 số tiền 10.440.000 đồng, nên chị H2 đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Ngô Duy H và không yêu cầu bồi thường gì thêm phần chuyển khoản 21.000 đồng, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 239 của Bộ luật dân sự, xác định bị hại từ bỏ quyền sở hữu đối với số tiền đã chuyển cho bị cáo với nội dung nhấn gửi xin lại số tiền chuyển nhầm. Nay bị hại không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

[9] Vật chứng của vụ án: Bị cáo đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại cài các phần mềm ứng dụng ngân hàng đã dùng để chuyển tiền chiếm đoạt. Cần tịch thu hoá giá sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: Bị cáo Ngô Duy H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hướng giải quyết toàn bộ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 176, Điều 38, Điều 48, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Áp dụng Điều 239 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 106 và các Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Duy H phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”. Xử phạt bị cáo Ngô Duy H 04 (bốn) tháng tù về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam.

Hội đồng xét xử Quyết định Bắt tạm giam bị cáo tại phiên tòa.

2. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo Ngô Duy H đã bồi thường xong cho bị hại Lê Thị H2 số tiền 10.440.000 đồng. Xác nhận bị hại không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 21.000 đồng (bị hại từ bỏ quyền sở hữu).

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu hoá giá sung vào ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng đồng, có số IMEI 358364061351001, không lắp sim, tình trạng máy đã cũ, sòn tróc vỏ phía ốp lưng.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/6/2025 giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc và Thị hành án dân sự huyện C)

4. Về án phí: Bị cáo Ngô Duy H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS H. Cao Lộc;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bấy